

Số: 334/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông”;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT ngày 02 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp xác định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà,

giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TTĐH-VP UBND tỉnh (đăng công báo);
- Các phòng: KGVX, KTN;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số 334/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, kỹ thuật, kế hoạch, thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang, hạ ngầm và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước gồm: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp, điện lực và các đơn vị quản lý, khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật có liên quan (giao thông, chiếu sáng, thoát nước).
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Mạng cáp ngoại vi viễn thông là bộ phận của mạng viễn thông chủ yếu nằm bên ngoài nhà trạm viễn thông, bao gồm tất cả các cáp viễn thông được treo nổi, chôn trực tiếp, đi trong cống bể, đi trong các đường hầm.
- Cáp viễn thông là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (cáp truyền hình) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông.
- Cáp treo là cáp viễn thông được chế tạo để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác.
- Cáp thuê bao là đoạn cáp viễn thông từ tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao. Cáp thuê bao còn gọi là cáp vào nhà thuê bao hay dây thuê bao.
- Tủ cáp là một kết cấu dạng khung hộp bằng kim loại hoặc nhựa polyme kín, chống được nước mưa, là nơi kết nối giữa cáp chính và cáp phối.
- Hộp cáp là kết cấu dạng hộp, nhỏ bằng kim loại hoặc nhựa polyme kín, chống được nước mưa, dùng để nối cáp phối với cáp thuê bao.

7. Cột treo cáp là cột bằng thép, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác dùng để treo cáp viễn thông.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông

1. Việc quản lý, chỉnh trang mạng cáp ngoại vi viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn, mỹ quan tại khu vực đô thị và nông thôn.

2. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc dùng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông.

3. Khuyến khích các tổ chức khai thác dịch vụ dùng chung cáp viễn thông. Từng bước xây dựng lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị.

4. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đồng bộ với các công trình khác; mạng cáp viễn thông phải được ngầm hóa 100% tại các tuyến đường xây dựng mới trong khu đô thị, khu dân cư.

5. Cáp viễn thông, thiết bị và các bộ phận hạ tầng kỹ thuật nếu hư hỏng, không còn sử dụng phải được tháo dỡ, thu hồi; cáp viễn thông phải được sắp xếp, bó gọn, chỉnh trang và hạ ngầm theo quy định.

6. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương II QUY ĐỊNH KỸ THUẬT ĐỐI VỚI MẠNG CÁP NGOẠI VI VIỄN THÔNG

Điều 5. Điều kiện sử dụng cáp treo

1. Cáp viễn thông treo phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT (sau đây gọi tắt là QCVN 33:2019/BTTTT) ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Cáp viễn thông không được treo mới trong các trường hợp sau:

a) Trên các tuyến đường, khu vực đã có quy hoạch hoặc kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khi dung lượng cáp viễn thông hiện có của doanh nghiệp trên tuyến đường đó vẫn đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ.

c) Các tuyến đường trong khu dân cư, khu đô thị được xây dựng mới.

d) Khi chưa có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng; Chưa có thỏa thuận dùng chung với đơn vị quản lý cột treo cáp.

đ) Không tiếp đất dây treo cáp hoặc dây tự treo cáp bằng kim loại khi treo cáp viễn thông trên cột điện theo QCVN 33:2019/BTTTT.

3. Việc treo, lắp đặt cáp viễn thông và phụ kiện treo cáp viễn thông trên cột điện lực phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành của ngành điện.

Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm

1. Cáp viễn thông lắp đặt trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2019/BTTTT).

2. Không lắp đặt cáp viễn thông trong lòng mương, cống thoát nước hoặc các công trình không được thiết kế, quy hoạch để chứa cáp viễn thông.

3. Quá trình thi công, lắp đặt cáp ngầm phải bảo đảm:

a) Không gây hư hỏng, ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (cáp điện, cáp thoát nước, giao thông, chiếu sáng, cây xanh).

b) Có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

c) Thực hiện hoàn trả hiện trạng công trình, mặt đường, vỉa hè, khu vực thi công sau khi hoàn thành.

Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu truyền hình

Tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu truyền hình phải được lắp đặt đúng theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại QCVN 33:2019/BTTTT.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Cáp thuê bao (treo hoặc ngầm) phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Trên cùng một tuyến, mỗi doanh nghiệp treo không quá 05 cáp thuê bao, trường hợp nhiều hơn 05 cáp thuê bao phải thay bằng cáp có dung lượng lớn hơn.

3. Cáp thuê bao treo nổi phải kéo thẳng, bó gọn, đảm bảo yêu cầu đối với tuyến cáp thuê bao treo nổi quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. Độ dài cáp thuê bao không quá 200m tại địa bàn các phường và không vượt quá 400m tại địa bàn các xã.

4. Cáp thuê bao treo trên cột điện lực phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành của ngành điện.

Chương III

KẾ HOẠCH LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG

Điều 9. Xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông

1. Các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông theo định kỳ hàng quý, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, quản lý và theo dõi.

2. Kế hoạch phải được gửi trước ngày 15 của tháng cuối quý liền kề.

3. Nội dung kế hoạch bao gồm: Tên tuyến cáp, loại cáp, điểm đầu, điểm cuối, dự kiến thời gian lắp đặt.

4. Trước khi tiến hành lắp đặt cáp viễn thông ít nhất 07 ngày làm việc, doanh nghiệp viễn thông gửi thông báo kèm theo bản vẽ thiết kế tổng thể và chi tiết tuyến cáp đến Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi tuyến cáp đi qua và các cơ quan, đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan (nếu có) để theo dõi và quản lý.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông tại các khu công nghiệp, khu kinh tế được phân công quản lý.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông trên các tuyến đường, khu vực thuộc địa bàn quản lý, trừ phạm vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương IV

THU HỒI, SẮP XẾP, CHỈNH TRANG VÀ HẠ NGÀM CÁP VIỄN THÔNG

Điều 11. Thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông

1. Trước khi thực hiện sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông, doanh nghiệp hoặc đơn vị thực hiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Khoa học

và Công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan (nếu có) nơi triển khai thực hiện công trình để phối hợp, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

2. Nội dung thực hiện thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông

a) Loại bỏ và thu hồi cáp hỏng, cáp không sử dụng, cáp thuê bao vượt qua đường và mương sông, tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đã hỏng hoặc không còn sử dụng.

b) Kéo căng, buộc gọn hệ thống cáp viễn thông, dây thuê bao, đưa vào gong gom (nếu có).

c) Sắp xếp cáp dự phòng, mương sông, tủ/hộp cáp treo trên cột theo đúng quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

d) Duy tu, bảo dưỡng, gia cố, thay thế cột không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

3. Các đơn vị chủ quản cột, các đơn vị sử dụng cột có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp treo viễn thông tối đa 06 (sáu) tháng một lần hoặc theo kế hoạch, văn bản đề nghị của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chính quyền địa phương.

4. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm thu hồi cáp hỏng, cáp không sử dụng và mương sông, tủ, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đã hư hỏng hoặc không sử dụng theo quy định tại mục 2.8 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các đơn vị sở hữu cáp không thực hiện theo đúng yêu cầu hoặc không xác định được chủ sở hữu cáp viễn thông (cáp vô chủ), đơn vị quản lý cột treo cáp phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường lập biên bản và thông báo bằng văn bản tới các đơn vị sở hữu cáp viễn thông. Sau khi thông báo 30 ngày, nếu không có đơn vị nào nhận và khắc phục, đơn vị quản lý cột treo cáp sẽ tiến hành hạ cáp, thu hồi và không chịu trách nhiệm về việc hư hỏng tài sản và gián đoạn thông tin.

Điều 12. Gắn thẻ nhận biết, thẻ báo độ cao đối với cáp viễn thông

1. Cáp viễn thông treo phải gắn thẻ sở hữu tại các vị trí phù hợp (như cột góc, cáp qua đường) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT. Khoảng cách tối đa giữa 2 thẻ không quá 300 m.

2. Cáp viễn thông vượt qua đường giao thông, qua cầu, qua sông trên sợi cáp tại vị trí thấp nhất phải treo biển báo độ cao theo quy định.

3. Thông tin trên thẻ nhận biết đường dây, cáp viễn thông đi nổi bao gồm: tên và số điện thoại liên hệ của chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý

cáp, chủng loại cáp. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, mã QR_Code thông tin về chủ sở hữu, chủng loại cáp... để phục vụ công tác quản lý.

4. Trường hợp phát hiện cáp viễn thông đi nổi trên cột treo cáp không gắn thẻ nhận biết, đơn vị quản lý cột treo cáp phối hợp với chính quyền địa phương thông báo bằng văn bản tới các đơn vị sở hữu cáp viễn thông. Sau khi thông báo 30 ngày, nếu không có đơn vị nào nhận và khắc phục, đơn vị quản lý cột treo cáp sẽ tiến hành hạ cáp, thu hồi và không chịu trách nhiệm về việc hư hỏng tài sản và gián đoạn thông tin.

Điều 13. Quy định quản lý cáp viễn thông sau khi sắp xếp, chỉnh trang

1. Đơn vị quản lý, sở hữu cột treo cáp trên các tuyến đường đã được thực hiện chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông treo có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc phát triển mới cáp viễn thông, dây thuê bao trên các tuyến đường đã thực hiện chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông treo.

b) Chủ động thông báo và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các trường hợp treo cáp viễn thông, dây thuê bao không tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật (QCVN 33:2019/BTTTT).

2. Đối các trường hợp treo cáp viễn thông hoặc dây thuê bao không đúng quy chuẩn kỹ thuật, treo ngoài bó cáp hoặc ngoài gông trên các tuyến đường đã được chỉnh trang, đơn vị quản lý cột treo cáp có trách nhiệm thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ để yêu cầu đơn vị sở cáp viễn thông và các đơn vị liên quan thực hiện thu hồi cáp, dây thuê bao vi phạm. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải tự bố trí kinh phí, tổ chức thu hồi và đảm bảo khôi phục thông tin liên lạc của đơn vị mình sau khi thu hồi, tháo dỡ.

Điều 14. Xử lý cáp viễn thông, cột treo cáp bị sự cố, hư hỏng

1. Khi cáp viễn thông, dây thuê bao bị đứt; tủ cáp, hộp cáp, cột treo cáp bị hư hỏng hoặc bị sự cố, đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải kịp thời phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp để xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin liên lạc thông suốt, đồng thời báo cho Sở Khoa học và Công nghệ biết để phối hợp xử lý (nếu cần).

2. Khi cột treo cáp viễn thông bị gãy hoặc bị nghiêng, các đơn vị có cáp treo trên cột phải có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp để khắc phục, xử lý để không ảnh hưởng đến an toàn giao thông và an toàn vận hành. Đối với các cột, tuyến cột sau khi triển khai ngầm hóa không còn sử dụng, đơn vị quản lý cột treo cáp có trách nhiệm thu hồi cột để đảm bảo an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

3. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông và đơn vị quản lý cột treo cáp phải thiết lập đường dây nóng (điện thoại, nhóm Zalo) để kịp thời trao đổi thông tin, phối hợp xử lý sự cố trên địa bàn. Khi xảy ra sự cố hoặc tình huống khẩn cấp, các bên phải phối hợp khắc phục ngay; đối với cáp viễn thông treo trên cột, việc xử lý phải hoàn thành chậm nhất trong vòng 01 (một) ngày sau khi hệ thống cột được khắc phục bảo đảm an toàn. Trường hợp không giải quyết được, các bên phải thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã, phường để phối hợp xử lý.

Điều 15. Triển khai hạ ngầm cáp viễn thông

1. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm lập kế hoạch, bố trí nguồn lực, kinh phí để triển khai hạ ngầm cáp viễn thông theo kế hoạch của tỉnh và chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc hạ ngầm cáp viễn thông hiện có phải bảo đảm an toàn, tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình triển khai hạ ngầm, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thu hồi cáp không sử dụng, thiết bị phụ trợ treo trên cột để bảo đảm mỹ quan đô thị và an toàn công trình.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông theo quy định này và theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

b) Tiếp nhận, tổng hợp kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông do doanh nghiệp gửi định kỳ hàng quý; quản lý, theo dõi tiến độ và cập nhật dữ liệu phục vụ công tác quản lý Nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông, dây thuê bao treo không đúng quy định hoặc không sử dụng; thông báo, yêu cầu đơn vị sở hữu cáp và các đơn vị có liên quan tổ chức thu hồi cáp, dây thuê bao không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, treo ngoài bó cáp hoặc ngoài gông trên các tuyến đường đã được chỉnh trang, làm gọn.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo vệ, cải tạo, di dời và xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật (trong đó có mạng cáp viễn thông) trong phạm vi đất của đường bộ, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật khác theo quy định hiện hành.

b) Khi tổ chức đầu tư xây dựng, cải tạo hoặc nâng cấp công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, cần phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp liên quan để thống nhất phương án bảo vệ, di dời, hạ ngầm hoặc sử dụng chung hạ tầng, đảm bảo cảnh quan, môi trường và đồng bộ.

c) Yêu cầu chủ đầu tư các dự án xây dựng nhà chung cư, khu đô thị, công trình công cộng, tòa nhà cao tầng phải thực hiện thiết kế, lắp đặt đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung trong công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; bảo đảm khả năng kết nối thuận tiện với mạng lưới viễn thông công cộng bên ngoài.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định về lắp đặt mạng cáp viễn thông gây ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

đ) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (trong đó có mạng cáp viễn thông) theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Vĩnh Long tăng cường quản lý hệ thống cột điện, phối hợp sắp xếp, chỉnh trang các tuyến cáp viễn thông treo trên cột điện, bảo đảm tuân thủ Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giám sát, quản lý việc lắp đặt cáp viễn thông sử dụng chung cột điện lực, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành của ngành điện.

c) Kiểm tra việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đối với cáp viễn thông sử dụng chung cột điện lực theo quy định.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền rộng rãi để người dân, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp biết, giám sát và thực hiện.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế

Kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông trong các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp, doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch cải tạo, sắp xếp và chỉnh trang đường dây, cáp viễn thông đảm bảo mỹ quan và cảnh quan kiến trúc. Chủ động phối hợp với đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông đề xuất tuyến đường cần thực hiện chỉnh trang, làm gọn đường dây, cáp viễn thông trên địa bàn quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông trên địa bàn. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, xử lý các trường hợp cáp viễn thông gây mất an toàn, mỹ quan. Yêu cầu các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông tháo dỡ, thu hồi cáp treo không đúng quy định.

c) Đối với các dự án mới hoặc dự án cải tạo tuyến đường, khu đô thị, khu dân cư,... trong phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân xã, phường thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ để thông tin đến doanh nghiệp viễn thông, xây dựng kế hoạch hạ ngầm và lập kế hoạch di dời công trình viễn thông phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thi công dự án.

7. Đơn vị quản lý cột treo cáp viễn thông

a) Quản lý, bảo trì và duy tu hệ thống cột; lắp đặt dây treo cáp, khuyến dỡ bó cáp; thống kê các cột không bảo đảm an toàn và thông báo cho các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phối hợp xử lý; thay thế cột cũ không đủ khả năng chịu lực, không đảm bảo an toàn, mỹ quan.

b) Chủ động phối hợp với các đơn vị có cáp viễn thông treo trên cột xây dựng kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

c) Thỏa thuận việc sử dụng cột đôi với các đơn vị quản lý cáp viễn thông treo trên cột theo hợp đồng.

d) Thông báo, phối hợp với các đơn vị liên quan tháo dỡ cáp viễn thông không xác định đơn vị sở hữu hoặc treo không đúng quy định; bố trí nhân lực, phương tiện và kinh phí thực hiện thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột.

8. Đơn vị sở hữu cáp viễn thông

a) Phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông trên địa bàn; treo thẻ nhận diện cáp, biển báo độ cao treo cáp theo quy định; tháo dỡ, thu hồi cáp, dây thuê bao, tủ hộp cáp không còn sử dụng. Trước khi triển khai, đơn vị gửi kế hoạch cho Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định.

b) Có trách nhiệm tháo dỡ đường dây, cáp viễn thông của đơn vị mình quản lý khi có nguy cơ gây mất an toàn cho cộng đồng, hệ thống điện hoặc khi nhận được thông báo của đơn vị quản lý cột treo cáp, văn bản đề nghị của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chính quyền địa phương.

c) Treo mới cáp viễn thông phải có văn bản chấp thuận của đơn vị quản lý cột treo cáp và bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan. Sau khi lắp đặt dây treo và khuyên đỡ bó cáp, đơn vị sở hữu cáp phải phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp thực hiện việc làm gọn, đưa cáp vào khuyên, giá đỡ.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vi phạm trong quá trình lắp đặt, khai thác, sử dụng cáp viễn thông treo trên cột gây sự cố lưới điện, tai nạn lao động hoặc các sự cố khác làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị quản lý cột treo cáp và các đơn vị khác sử dụng chung cột treo cáp.

đ) Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này, định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo theo quy định).

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân cần kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.